

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-PT
Ngày 30 tháng 01 năm 2024
V/v “tranh chấp yêu cầu văn bản
công chứng vô hiệu, hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu
nhà ở vô hiệu, hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, chia tài sản
chung, chia thừa kế, thực hiện nghĩa
vụ do người chết để lại (hợp đồng
vay tài sản).”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng;

Ông Khưu Đức Dành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2023/TLPT- DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp “Yêu cầu văn bản công chứng vô hiệu, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở vô hiệu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia tài sản chung, chia thừa kế, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại (hợp đồng vay tài sản)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXX-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phượng H, sinh năm 1961, Nơi cư trú: 12A đường N T N, p M L, thành phố L X, tỉnh A G (có mặt).

Đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Phượng H là ông Lê Mỹ L, sinh năm 1955; địa chỉ: khóm C Q 3, phường C P B, thành phố C Đ, tỉnh A G. Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2023 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thanh T - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A G (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: 41B đường T N H, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Phan Thị V - Luật sư của Văn phòng Luật sư Phan Thị V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A G (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Gia C, sinh năm 2006 và Trần Gia K, sinh năm 2009; do bà Huỳnh Thị N là mẹ làm người đại diện theo pháp luật, nơi cư trú: 41B đường T N H, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (vắng mặt).

Văn phòng Công chứng L X. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Bá L. Trụ sở: Số 306 Lý Thái Tổ, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (xin vắng mặt).

Phòng Tư pháp thành phố L X, tỉnh A G. Trụ sở: Số 99 đường Nguyễn Thái H (nổi dài), phường M H, thành phố L X, tỉnh A G (xin vắng mặt).

Ông Lý Đông H, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Phước T, sinh năm 1973, địa chỉ liên hệ: Số 23/23, tổ 12, khóm T H, phường M T, thành phố L X, tỉnh A G. Đại diện cho bà T có ông Lý Đông H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 10/4 đường Thoại Ngọc H, khóm 3, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank). Trụ sở: Số 25 Bis, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1980 – Giám đốc DVKH – HDBank chi nhánh A G, theo Giấy ủy quyền số 21/2023/UQ-HDB, ngày 10/5/2023, địa chỉ: 217 Lý Thái Tổ, tổ 5, khóm 7, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (xin vắng mặt).

Ủy ban nhân dân thành phố L X, tỉnh A G. Trụ sở: Số 99 đường Nguyễn Thái H (nổi dài), phường M H, thành phố L X, tỉnh A G (xin vắng mặt).

Bà Trần Hồng N, sinh năm 1994; nơi cư trú: 41B Thoại Ngọc H, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lần hòa giải và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Phương H trình bày:

Ngày 25/9/2013 ông Trần Thanh P chết, đây là thời điểm mở thừa kế đối với di sản của ông Trần Thanh P. Ông Trần Văn C cha của bà là hàng thừa kế thứ nhất của ông P. Ngày 09/5/2014 ông Trần Văn C chết thì bà là người được hưởng thừa kế từ kỷ phần thừa kế của ông C được hưởng từ ông P.

Di sản yêu cầu được phân chia là nhà gắn liền đất ở tọa lạc tại số 41A-41B đường Thoại Ngọc H, Khóm 3, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G.

Nguồn gốc nhà, đất là di sản thừa kế của mẹ Nguyễn Thị L để lại cho cha Trần Văn C, cùng các con Trần Thị Phụng H và Trần Thanh P. Ngày 03/8/2009 ông C, bà H, ông P lập văn bản thuận phân tài sản để ông C được toàn quyền quyết định đối với tài sản này. Ngày 16/10/2009 ông C lập hợp đồng tặng cho tài sản lại cho ông Trần Thanh P là con trai, đang sống chung với ông C.

Từ đó, ông Trần Thanh P được đứng tên tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất ở đô thị 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009.

- Quyền sử dụng đất ở đô thị 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009.

Ngày 25/9/2013 ông P chết không để lại di chúc đã phát sinh thừa kế theo pháp luật. Thời điểm đó ông C chưa yêu cầu phân chia thừa kế.

Đến ngày 09/5/2014 ông C chết, nên bà khởi kiện yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế của ông C và bà yêu cầu bà N giao suất thừa kế này bằng hiện vật theo nguyện vọng của ông C để giữ lại căn nhà số 41A đường Thoại Ngọc H, Khóm 3, phường M L, thành phố L X, tỉnh A G để làm nơi thờ phụng cha mẹ.

Tại đơn xin bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/02/2016 và các lần hòa giải bà H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Đối với căn nhà số 41A, diện tích 136,7m² là bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế từ cô ruột Nguyễn Thị P, còn căn nhà 41B là được hưởng thừa kế từ cha ruột là ông Nguyễn Văn B. Ngày 13/3/1999 bà L chết không để lại di chúc, di sản thừa kế này chưa phân chia.

Ngày 03/8/2009 ông C yêu cầu lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xác lập 50% giá trị nhà và đất ở của mẹ Nguyễn Thị L để lại chuyển cho cha Trần Văn C là không đúng quy định pháp luật vì toàn bộ tài sản trên là tài sản riêng của bà L, nên khi bà L chết không để lại di chúc thì toàn bộ tài sản này phải chia thành 03 phần (ông C, bà và ông P).

Do đó, yêu cầu vô hiệu và hủy các văn bản, giấy tờ sau:

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 03/8/2009 của Phòng tư pháp Long Xuyên vô hiệu.

- Hợp đồng tặng cho đất và tài sản gắn liền với đất ngày 16/10/2009 của Văn phòng công chứng Long Xuyên vô hiệu, do văn bản thỏa thuận phân chia di sản có công chứng vô hiệu. Hơn nữa, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà do ông C đứng tên với tư cách đại diện, nên ông C không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, diện tích 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, diện tích 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Sau khi hủy toàn bộ các giấy tờ trên thì tài sản trở thành di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L nên yêu cầu chia theo quy định pháp luật cho các thừa kế của bà L. Yêu cầu nhận hiện vật căn nhà 41A. Yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế theo di chúc của ông C.

- Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng trong các sổ tiết kiệm bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, do còn đang khiếu nại đến Trung Ương.

- Đối với các vật dụng gồm 37 hạng mục trong nhà theo Biên bản thẩm định ngày 21/7/2016 bà yêu cầu chia theo quy định pháp luật, bà yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn giá trị lại cho các thừa kế khác.

- Đối với yêu cầu độc lập của ông Lý Đông H và bà Trần Thị Phước T, xét thấy vợ chồng H, T không có giấy tờ chứng cứ chứng minh, hợp đồng vay này là giả tạo, nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông H, bà T.

- Việc bà N cho thuê nhà bà không đồng ý do tài sản đang tranh chấp, nên mọi việc phát sinh từ di sản thừa kế phải được các thừa kế thống nhất, bà N tự ý cho thuê là không phù hợp quy định pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày tại yêu cầu phản tố, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Bà là vợ hợp pháp của ông Trần Thanh P. Năm 2005 bà được 02 bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Bà và ông P chung sống với nhau có 02 người con là Trần Gia C, sinh ngày 09/4/2006 và Trần Gia K, sinh ngày 08/02/2009. Vợ chồng làm ăn tích lũy được số tiền gửi tiết kiệm là 2.000.000.000 đồng.

Ngày 25/9/2013 ông Trần Thanh P chết, không để lại di chúc, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm: Cha Trần Văn C (chết ngày 09/5/2014, chết sau ông P), vợ Huỳnh Thị N, con Trần Gia C và con Trần Gia K.

Cha mẹ chồng của bà sinh được 02 người con là bà Trần Thị Phượng H và ông Trần Thanh P. Ông C chết sau ông Phong, nên di sản thừa kế của ông P được chia làm 04 phần.

Theo Bản án phúc thẩm số 208/2017/DS-PT ngày 13 và 20/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định số tiền vốn 2.000.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh A G theo các sổ tiết kiệm mang tên Trần Thanh P là thuộc quyền sở hữu của ông Trần Thanh P, cụ thể:

- Tài khoản tiền gửi 046704010000341, số seri 00538737, kỳ hạn 12 tháng, số tiền 800.000.000 đồng, gửi ngày 27/9/2012.

- Tài khoản tiền gửi 046704010000520, số seri 00538975, kỳ hạn 12 tháng, số tiền 100.000.000 đồng, gửi ngày 27/11/2012.

- Tài khoản tiền gửi 046704010000624, số seri 00539137, kỳ hạn 12 tháng, số tiền 100.000.000 đồng, gửi ngày 28/01/2013.

- Tài khoản tiền gửi 046704020003496, số seri 00954693, kỳ hạn 13 tháng, số tiền 1.000.000.000 đồng, gửi ngày 19/8/2013.

Nay bà xác định yêu cầu phản tố như sau:

1. Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu, hợp đồng tặng cho vô hiệu. Do hết thời hiệu khởi kiện đối với các Văn bản trên, nên không đồng ý việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có liên quan đến di sản thừa kế.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia di sản căn nhà số 41A và 41B có nguồn gốc là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L và của ông ngoại Nguyễn Văn B.

2. Yêu cầu Tòa án xác định tài sản chung của bà và ông Trần Thanh P là số tiền 2.000.000.000 đồng do ông Trần Thanh P gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh A G theo Bản án phúc thẩm số 208/2017/DSPT ngày 13-20/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Sau khi trừ phần nghĩa vụ trả nợ 1.000.000.000 đồng mà ông P đã vay của bà T, ông H và lãi phát sinh, cùng án phí thì phần còn lại bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, bà và ông P mỗi người được chia 50%.

3. Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P theo quy định của pháp luật về thừa kế. Cụ thể: Đối với 02 căn nhà gắn liền đất ở số 41A-41B đường Thoại Ngọc H, phường M L, thành phố L X, mẹ con bà yêu cầu được nhận nhà đất, hoàn giá trị cho thừa kế khác và phân chia tiền còn lại 50% của ông P.

Đối với kỹ phần của ông C được hưởng từ di sản của ông P, sẽ chia theo pháp luật thành 02 phần là bà H và ông P. Do ông P đã chết nên 02 con của bà là Gia C và Gia K được thừa hưởng thế vị kỹ phần này.

Đối với việc cho bà N thuê nhà thì: Bà xác định hiện nay đã chấm dứt hợp đồng thuê nhà, người thuê nhà đã dọn đi nơi khác.

Bà đồng ý giao hết tất cả các vật dụng theo Biên bản thẩm định ngày 02/8/2022 cho bà H và không nhận giá trị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý Đông H và bà Trần Thị Phước T có yêu cầu độc lập trình bày tại các đơn yêu cầu vắng mặt như sau: Do chỗ quen biết lại gần nhà và thường vay mượn qua lại với nhau nhiều lần, nên vào chiều tối ngày 19/9/2013, ông Trần Thanh P (N) có hỏi vay của bà T số tiền 1.000.000.000đ, thời hạn vay là 07 ngày (19/9/2013 – 26/9/2013), lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1ngày (trả lãi khi trả lại vốn), mục đích để đặt cọc mua đất, khi vay không có lập văn bản, ông P có thể chấp cho ông bà sổ tiết kiệm có số dư tiền gửi là 1.000.000.000đ tại HDBank chi nhánh An Giang. Khi giao tiền tại nhà của ông P có mặt của bà Huỳnh Thị N là vợ của ông P. Ngày 25/9/2013, ông Trần Thanh P chết. Sau đám tang ông bà có báo lại cho bà N biết việc ông P vay tiền và thế chấp sổ tiết kiệm, bà N xác nhận có vay và thỏa thuận với ông bà là khi nào rút tiền gửi HDBank sẽ trả lại cho ông bà. Ông Trần Văn C khởi kiện bà Huỳnh Thị N tranh chấp đối với số tiền 2.000.000.000 đồng có trong các sổ tiết kiệm tại HDBank chi nhánh An Giang đứng tên ông Trần Thanh P. Vụ án được xét xử bằng một Bản án đã có hiệu lực pháp luật số 208/2017/DS-PT ngày 13 và 20/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Sau khi có bản án ông bà đã liên hệ HDBank để giải quyết vấn đề nhưng phía ngân hàng yêu cầu chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Nay ông bà yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Thanh P có nghĩa vụ trả lại ông bà số tiền ông P đã vay và tiền lãi tính theo pháp luật, ông bà sẽ trả lại sổ tiết kiệm cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Thanh P để chia di sản thừa kế.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/5/2023, ông H, bà T có khai thêm tình tiết bổ sung là bà T trình bày bà chỉ có 500.000.000 đồng, nên ông P có nhờ bà vay của người khác 500.000.000 đồng. Bà nhờ ông Lý Đông H (chồng bà) hỏi vay giúp, người cho vay tính lãi là 5.000đ/1.000.000đ/1ngày (trả lãi khi trả lại vốn), ông P đồng ý vay nên bà đứng ra nhờ chồng bà vay giúp 500.000.000 đồng. Giữa bà và ông P có qua lại làm ăn nhiều lần nên khi vay không có lập văn bản, ông P có thể chấp cho bà sổ tiết kiệm có số dư tiền gửi là 1.000.000.000 đồng tại HDBank chi nhánh An Giang. Do sổ tiết kiệm này kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ, ông P mới lĩnh lãi ngày 19/9/2013 nên không thể rút vốn trước hạn, chưa đến ngày thanh toán thì vào ngày 25/9/2013 ông P chết. Đến hạn trả nợ người cho vay đòi lại tiền vay của chồng bà, bà thông tin lại là ông P đã chết nên chờ đám tang xong giải quyết. Chồng bà có liên hệ với người cho vay 500.000.000 đồng thỏa thuận tính lãi tháng, người cho vay đồng ý tính lãi tháng là 3%/tháng, nhưng phải thế chấp sổ tiết kiệm, bà cho bà N hay và bà N đồng ý thế chấp sổ tiết kiệm cho người vay. Ông P, bà N chưa trả tiền lãi ngày nào. Hàng tháng bà phải trả tiền lãi cho người vay. Tính đến ngày 30/5/2023 là 3.527 ngày, tiền lãi là 872.136.000 đồng ($1.000.000.000đ \times 9\%/năm \times 3.527 \text{ ngày}$), tổng cộng vốn, lãi là 1.872.136.000 đồng.

Đồng thời, ông H, bà T không đồng ý tách số tiền 2.000.000.000 đồng để giải quyết riêng thành vụ kiện khác, vì số tiền này đã được giải quyết bằng vụ án đã có hiệu lực pháp luật, xác định là tài sản của ông P.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/5/2023, nộp cho Tòa án lúc 14 giờ ngày 30/5/2023: Ông H, bà T xác định đã trả tiền vay và tiền lãi cho người vay và đã nhận lại sổ tiết kiệm số seri: CD 954693, số tài khoản: 046704020003496 (00954693).

2. *Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:* Hiện tại ông Trần Thanh P có gửi Ngân hàng tổng cộng 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm hiện nay khoảng 700.000.000 đồng. Ngân hàng không có ý kiến đối với tranh chấp của các đương sự. Ngân hàng sẽ thực hiện theo quyết định có hiệu lực của Tòa án.

Tại Công văn số 27/2023/CV-HDBAG, ngày 04/5/2023, Ngân hàng cho biết các sổ tiết kiệm có số dư vốn, lãi tính đến ngày 05/5/2023, cụ thể như sau:

- Sổ tiết kiệm 046704010000520 (00538975), kỳ hạn gửi 12 tháng từ ngày 27/11/2012 đến ngày 27/11/2013, số tiền gốc: 100.000.000 VNĐ; kỳ hạn lĩnh lãi hàng tháng; khách hàng đã lĩnh lãi 09 kỳ từ ngày 27/11/2012 đến 27/8/2013; 03 kỳ lĩnh lãi từ ngày 27/8/2013 đến 27/11/2013 khách hàng chưa lĩnh số tiền là 1.788.889 đồng.

- Sổ tiết kiệm 046704010000341 (00538737), kỳ hạn gửi 12 tháng từ ngày 27/9/2012 đến ngày 27/9/2013, số tiền gốc: 800.000.000 VNĐ; kỳ hạn lĩnh lãi hàng tháng; khách hàng đã lĩnh lãi 11 kỳ từ ngày 27/9/2012 đến 27/8/2013; 01 kỳ lĩnh lãi từ ngày 27/8/2013 đến 27/9/2013 khách hàng chưa lĩnh số tiền là 6.888.889 đồng.

- Sổ tiết kiệm 046704010000624 (00539137), kỳ hạn gửi 12 tháng từ ngày 28/01/2013 đến ngày 28/01/2014, số tiền gốc: 100.000.000 VNĐ; kỳ hạn lĩnh lãi hàng tháng; khách hàng đã lĩnh lãi 07 kỳ từ ngày 28/01/2012 đến 28/8/2013; 05 kỳ lĩnh lãi từ ngày 28/8/2013 đến 28/01/2014 khách hàng chưa lĩnh số tiền là 2.975.000 đồng.

- Sổ tiết kiệm 046704020003496 (00954693), kỳ hạn gửi 13 tháng từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/9/2014, số tiền gốc: 1.000.000.000 VNĐ; kỳ hạn lĩnh lãi hàng tháng; khách hàng đã lĩnh lãi 01 kỳ từ ngày 19/3/2012 đến 19/8/2013; 155 kỳ lĩnh lãi từ ngày 19/9/2013 đến 19/4/2023 khách hàng chưa lĩnh số tiền là 680.438.492 đồng.

Đối với 03 sổ tiết kiệm 046704010000520, 046704010000341, 046704010000624, khách hàng đã tham gia chương trình Vạn L và Vạn Lộc Linh H và chương trình đã ngưng kê từ ngày 14/5/2013, nên khi 03 sổ tiết kiệm trên đến hạn sẽ được tất toán cho khách hàng. Do ông Trần Thanh P đã chết nên các sổ tiết kiệm đến hạn HDBank thực hiện tất toán, toàn bộ số tiền gốc của 03 sổ tiết kiệm này là 1.000.000.000 đồng, được chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán 046704070004181 của chính khách hàng, tính đến ngày 05/5/2023 là 1.054.339.040 đồng.

3. *Phòng công chứng Long Xuyên do ông Dương Bá L đại diện trình bày ngày 21/3/2016:* Ngày 16/10/2009, Văn phòng Công chứng Long Xuyên có nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho riêng tài sản của ông Trần Văn C

tặng cho riêng con ruột của mình là ông Trần Thanh P. Qua thẩm tra hồ sơ và tính pháp lý về quyền sở hữu tài sản của bên tặng cho là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ về Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở được xác định tại Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế của các hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị L đã được Phòng Tư pháp thành phố Long Xuyên thừa ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Long Xuyên ký ngày 05/9/2009, số chứng thực: 51, quyển số: I/TP/CC-SCT/HĐGD để xác định đó là tài sản riêng của ông Trần Văn C và được định đoạt theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở pháp lý đã nêu trên, Phòng công chứng soạn thảo hợp đồng tặng cho riêng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Hai bên đã trực tiếp đọc hợp đồng và nghe Công chứng viên giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của các bên rồi mới ký vào từng trang của hợp đồng tặng cho, theo trình tự luật công chứng quy định. Sau đó, ông Trần Thanh P đã được UBND thành phố Long Xuyên cấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sử dụng ổn định cho đến nay. Việc bà Trần Thị Phụng H khiếu kiện về việc tranh chấp “di sản thừa kế” của bà Nguyễn Thị L để lại, trong khi đó tại văn bản phân chia di sản thừa kế có sự đồng thuận và bà Trần Thị Phụng H đã ký vào văn bản giao toàn quyền cho ông Trần Văn C thì ông C có quyền định đoạt tài sản của mình theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày tại Công văn số: 1381/UBND-NC, ngày 08/4/2019 và Công văn số: 648/UBND-NC, ngày 16/02/2023 như sau:

Nguồn gốc nhà, đất do ông Trần Văn C (đại diện) được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp 03 giấy chứng nhận, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, ngày 20/02/2008 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 14, diện tích 136,7m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường Mỹ Long.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, ngày 20/02/2008 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 511, diện tích 129,5m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường Mỹ Long.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000788, ngày 28/7/2009 thuộc thửa số 105+511, diện tích đất ở 266,2m², diện tích sàn 568,08m², địa chỉ số 41A-41B, đường Thoại Ngọc Hầu, Khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên.

Ngày 03/8/2009, ông Trần Văn C cùng 02 người con là bà Trần Thị Phụng H và ông Trần Thanh P lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Nội dung: bà Trần Thị Phụng H và ông Trần Thanh P đồng ý giao toàn bộ kỷ phần được hưởng đối với tài sản theo các giấy chứng nhận đã nêu trên cho ông Trần Văn C.

Ngày 16/10/2009, ông Trần Văn C lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho riêng ông Trần Thanh P.

Sau đó, ông Trần Thanh P được Ủy ban nhân dân thành phố cấp 03 giấy chứng nhận, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 14, diện tích 136,7m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường Mỹ Long.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 511, diện tích 129,5m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, tọa lạc tại phường Mỹ Long.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105+511, diện tích đất ở 266,2m², diện tích sàn 568,08m², địa chỉ số 41A-41B, đường Thoại Ngọc Hầu, Khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông Trần Thanh Phong là đúng quy định tại Điều 34, Điều 36 Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 30/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành quy định về trình tự, thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Bà Trần Hồng N vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 06 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang quyết định:

Căn cứ khoản 3, 5, 11 Điều 26, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147, Điều 184, Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 136, Điều 463, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 624, Điều 625, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 95 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phượng H:

- Không chấp đối với yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu; tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở vô hiệu.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, diện tích 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, diện tích 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên. Và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Không chấp nhận việc yêu cầu xác định căn nhà 41A và 41B là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L.

- Chấp nhận yêu cầu nhận di sản thừa kế của ông Trần Văn C theo di chúc.

- Chấp nhận yêu cầu được nhận hiện vật là các vật dụng trong gia đình.

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Huỳnh Thị N:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của vợ và chồng đối với số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi trong 04 sổ tiết kiệm.

[2.1.1] Bà Huỳnh Thị N được nhận 01 Sổ tiết kiệm 046704020003496 (00954693), kỳ hạn gửi 13 tháng từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/9/2014, số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng; lãi đến ngày 05/5/2023 là 680.438.492 đồng. Bà N được tiếp tục thụ hưởng số tiền lãi trên sổ tiết kiệm này từ ngày 06/5/2023 cho đến khi thi hành án xong.

Ông Lý Đông H và bà Trần Thị Phước T có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị N 01 Sổ tiết kiệm 046704020003496 (00954693), kỳ hạn gửi 13 tháng từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/9/2014, số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ chi trả số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng theo Sổ tiết kiệm 046704020003496 (00954693), kỳ hạn gửi 13 tháng từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/9/2014, tiền lãi 367.388.766 đồng và lãi phát sinh từ ngày 06/5/2023 cho bà Huỳnh Thị N. Phần tiền lãi còn lại chuyển sang số tài khoản tiền gửi thanh toán 046704070004181 để chia thừa kế theo pháp luật.

Bà N có nghĩa vụ hoàn lại cho các thừa kế khác của ông P gồm: bà N, ông C (bà H nhận), cháu Gia C và Gia K, số tiền lãi 313.049.726 đồng của tài khoản gốc: 1.000.000.000 đồng, để cộng với tài khoản của 03 sổ tiết kiệm còn lại.

[2.1.2] Đối với 03 sổ tiết kiệm 046704010000520, 046704010000341, 046704010000624, có số dư tài khoản tiền gửi thanh toán 046704070004181 tính đến ngày 05/5/2023 là 1.054.339.040 đồng. Cộng với tiền lãi 313.049.726 đồng từ sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng của bà N chuyển sang. Di sản là tiền của ông P là 1.367.388.766 đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả lại Sổ tiết kiệm 046704010000520 (00538975), kỳ hạn gửi 12 tháng từ ngày 27/11/2012 đến ngày 27/11/2013, số tiền gốc: 100.000.000 đồng, cho các thừa kế của ông Phong gồm: bà N, ông C (bà H nhận), cháu Gia C và Gia K.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả lại Sổ tiết kiệm 046704010000341 (00538737), kỳ hạn gửi 12 tháng từ ngày 27/9/2012 đến ngày 27/9/2013, số tiền gốc: 800.000.000 đồng, cho các thừa kế của ông Phong gồm: bà Nhận, ông Cung (bà H nhận), cháu Gia C và Gia K.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả lại Sổ tiết kiệm 046704010000624 (00539137), kỳ hạn gửi 12 tháng từ ngày 28/01/2013 đến ngày 28/01/2014, số tiền

gốc: 100.000.000 đồng, cho các thừa kế của ông P gồm: bà N, ông C (bà H nhận), cháu Gia C và Gia K.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Trần Thanh P:

[2.2.1] Di sản là bất động sản:

- Bà Huỳnh Thị N được toàn quyền nhận hiện vật là 02 căn nhà 41A và 41B, gắn liền đất tại đường Thoại Ngọc H, khóm 3, phường Mỹ L, thành phố L X, tỉnh A G, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, diện tích 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048, diện tích 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên; và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên. *Theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 06/02/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Long Xuyên (nay là Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – Chi nhánh Long Xuyên).*

- Bà Huỳnh Thị N có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị Phụng H số tiền 7.642.416.933 đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho Trần Gia C và Trần Gia K mỗi cháu 7.642.416.933 đồng (giao bà N làm giám hộ quản lý tài sản cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động).

[2.2.2] Di sản là các vật dụng trong gia đình:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị N giao tất cả các vật dụng trong gia đình sau đây cho bà Trần Thị Phụng H, bà Trần Thị Phụng H được thừa hưởng:

1. 01 tủ búp phê bằng Meca 0,5m x 2m, mua năm 1970.
2. 01 tủ ly 3 mặt kiếng bằng gỗ Cẩm 0,5m x 1,4m mua năm 1970.
3. 01 giường Cẩm Lai 1,6m x 2m mua năm 2001.
4. 01 tủ quần áo bằng Bên 02 cánh có kiếng gương 0,5m x 1,2m x 2m, mua khoảng năm 1970.
5. 01 tủ áo dài bằng Bên, 01 bên kiếng, 01 bên cây 0,5m x 1,8m x 2m mua năm 2001.
6. 01 tủ chén gỗ Cẩm Lai, chứa đầy chén tô, đĩa, tách, đồ kiểu xưa, mua năm 1970.
7. 01 tủ thờ Bên 1,4m mua năm 1970.
8. 01 tủ thờ gỗ Gõ Mun có càn Xà Cừ 1,1m x 0,5m x 1,3m không nhớ năm mua (đồ xưa).

9. 01 đi văng gỗ Bên 1,6m x 2m, 01 đi văng gỗ Bên 1,2m x 2m x 0,5m, không nhớ năm mua (đồ xưa).

10. 01 bộ sa lon Bên có nệm (đồ xưa).

11. 01 bộ sa lon ghế gỗ Bên mua năm 1970.

12. 01 tủ gỗ Bên có kiếng 02 mặt 0,6m x 1m x 1,5m, mua năm 2001.

13. 02 cái giường sắt 1,2m x 2m (không nhớ thời gian mua).

14. 01 giường hộp gỗ Bên 1,6m x 2m, mua năm 1970.

15. 01 giường hộp Thao Lao kiểu xưa 1,6m x 2m, mua năm 1960.

16. 01 cái bàn beureau gỗ Bên 0,8m x 1,4m, mua năm 1970.

17. 01 tủ Bên 02 ngăn (01 bên gỗ, 01 bên kiếng) 0,6m x 1,8m, không nhớ thời gian mua.

18. 02 máy lạnh, không nhớ hiệu, đồ đã qua sử dụng, mua năm 2001.

19. 01 máy may hiệu Sinco mua năm 1975.

20. 01 máy thêu mua năm 1985.

21. 01 chảo có nắp đậy, mua năm 1980.

22. 01 máy đánh trứng mua năm 1970.

23. 01 tủ ly 03 mặt kiếng mua bằng gỗ Bên 0,45 x 1,4m, mua năm 1970.

24. 01 tủ búp phê gỗ Bên 0,45m x 1,8m x 0,98m, mua năm 1970.

25. 01 tủ sắt đựng tiền 3 hộc (ổ khóa hư) 0,55m x 0,7m x 1,7m.

26. 01 tủ áo gỗ Bên, 03 mặt kiếng 0,45m x 1,8m x 1m, không nhớ thời gian mua.

27. 01 bộ ngựa, 02 tấm ván gỗ Mun, 1,5m x 2,3m (đồ cổ).

28. 01 tủ gỗ Bên có mặt kiếng, kiểu xưa 0,5m x 1,2m x 1,8m, không nhớ thời gian mua.

29. 01 tủ chén 03 mặt kiếng 1,8m + chén, tô, đĩa bằng melamin, mua năm 1970.

30. 02 tủ cây 1,2m đựng sách, không nhớ thời gian mua.

31. 01 tủ gối 1,4m, không nhớ thời gian mua.

32. 01 tủ quần áo 1,2m, mua năm 1960.

33. 01 xe hiệu Yamaha (tay ga), 01 xe Honda wave x, 01 xe engenl.

34. 01 chiếc xe đạp hiệu Cowrse.

[2.2.3] Di sản là số tiền 1.367.388.766 đồng.

* Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ chi trả 1.367.388.766 đồng của 03 sổ tiết kiệm 046704010000520, 046704010000341, 046704010000624, có sổ dư tài khoản tiền gửi thanh toán 046704070004181 tính

đến ngày 05/5/2023 là 1.054.339.040 đồng. Cộng với tiền lãi 313.049.726 đồng từ sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng, cho các thừa kế của ông P gồm: bà N, ông C (bà H nhận), cháu Gia C và Gia K. Cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị N được nhận 341.847.191 đồng (trong đó vốn là 250.000.000 đồng), cùng tiền lãi phát sinh trên số tiền 250.000.000 đồng kể từ ngày 06/5/2023 cho đến khi thi hành án xong.

- Bà Trần Thị Phượng H được nhận 341.847.191 đồng (trong đó vốn là 250.000.000 đồng), cùng tiền lãi phát sinh trên số tiền 250.000.000 đồng kể từ ngày 06/5/2023 cho đến khi thi hành án xong.

- Cháu Trần Gia C và Trần Gia K mỗi người được nhận 341.847.191 đồng (trong đó vốn là 250.000.000 đồng), cùng tiền lãi phát sinh trên số tiền 250.000.000 đồng kể từ ngày 06/5/2023 cho đến khi thi hành án xong (giao bà N làm giám hộ quản lý tài sản của các cháu cho đến khi các cháu thanh niên và có khả năng lao động).

[3] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lý Đông H, bà Trần Phước T đối với yêu cầu buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Thanh P trả cho ông bà số tiền vốn, lãi tính đến ngày 30/5/2023 là 1.872.136.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/6/2023 bà H có đơn kháng cáo: Yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà. Tài sản tranh chấp khi còn sống, cụ L được thừa hưởng của cha ruột và cô ruột diện tích 266,2m² đất và căn nhà trên đất diện tích 568,08m²; cụ L chết năm 1999, đất và nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN.QSĐĐ) và quyền sở hữu nhà ở (QSHNỞ). Năm 2009 cụ Cung đăng ký QSĐĐ và QSHNỞ và được cấp 02 GCN.QSĐĐ H:01047bA, H:01048bA ngày 20/02/2008; GCN.QSHNỞ số 898833028000788 ngày 28/7/2009; tài sản này cấp cho ông C (đại diện). Vậy cụ C đứng tên đại diện cho 03 người gồm: Cụ C, bà H, ông P; vì vậy, khi hợp đồng tặng cho vô hiệu thì tài sản trở lại của cụ C, cụ L, đề nghị chia:

- + 50% di sản của cụ L chia làm 3 phần: Cụ C 01 kỷ phần, bà H 01 kỷ phần, P 01 kỷ phần. Cụ C có di chúc để lại kỷ phần của mình cho bà H trong 50% di sản của cụ L thì bà H được 2/3 suất thừa kế theo pháp luật; bà N và các con chỉ được thừa kế 1/3 trên khối di sản 50% của cụ L.

Di sản hiện nay là nhà, đất chia hiện vật được, đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bà 01 nền đất và 01 căn nhà trên đất; 01 nền nhà và căn nhà trên đất còn lại thì hoàn giá trị theo giá mà Công ty thẩm định giá Đông Á đã định.

Các tài sản (nội thất) trong nhà bà N đồng ý giao cho bà thì yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

- + Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi suất đang gửi tiết kiệm tên ông P, vụ tranh chấp số tiền này đã có bản án có hiệu lực pháp luật, xác định số tiền

trên và lãi tiết kiệm là của cá nhân ông P, không phải tài sản chung vợ chồng ông P; đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng ông H, bà T cho rằng ông P vay của ông bà ngày 19/9/2013; không có làm hợp đồng văn bản, ông P có thể chấp số tiết kiệm, lãi suất 15% tháng, yêu cầu hàng thừa kế của ông P trả lại, bà không đồng ý, vì hợp đồng vay này là không có, không thực tế.

- Ngày 19/6/2023 bị đơn: Huỳnh Thị N kháng cáo: Không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần công nhận Bản di chúc của ông Trần Văn C, bác yêu cầu được thừa kế thế vị của con bà đối với cha là ông Trần Thanh P; quyết định bà H được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế của ông C; về phần không buộc người thừa kế thứ nhất của ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ 1.000.000.000 đồng cho ông H, bà T và yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Tờ di chúc.

- Ngày 7/6/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lý Đông H, Trần Thị Phước T kháng cáo: Xem xét lại toàn bộ vụ án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chúng tôi theo đơn khởi kiện ngày 3/5/2018 và bổ sung ngày 19/10/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo; giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tôi thống nhất với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; yêu cầu xem xét lại thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, có đúng quy định pháp luật không; đối với số tiền 2.000.000.000.000 đồng là tài sản riêng của ông P, không phải tài sản chung của vợ chồng ông P; về số nợ thiếu ông H, bà T là không có thật; yêu cầu chấp nhận kháng cáo chia cho bà H 01 căn nhà.

Đại diện nguyên đơn trình bày bổ sung: Tháng 9/2009 số tiết kiệm của P đã hết hạn, nhưng cầm cho H là không đúng; yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho nhà, đất vô hiệu. Ngoài ra nguyên đơn xin nhận căn nhà gỗ (nhà kho) có diện tích 65,8m² với kết cấu nền lát xi măng, vách 01 phần xây gạch, một phần tole, khung gỗ, gác lửng gỗ mái tole; diện tích căn nhà được giới hạn theo các điểm 16, 15, 14, 13 theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 6/2/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Không đồng ý việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C theo di chúc, yêu cầu xem xét lại tính hợp pháp của Di chúc, vì di chúc đã được 02 lần trưng cầu giám định ở Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang và Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng bị nhòe, không thể hiện được dạng chung và đặc điểm riêng nên không đủ yếu tố giám định, ông C là người biết chữ, viết chữ rất đẹp nhưng sao không ký tên trong di chúc; do đó, yêu cầu tòa án xem xét di chúc đó là không hợp pháp.

Do chưa đủ căn cứ để xác định di chúc hợp pháp, nên yêu cầu chia di sản của ông C theo pháp luật, ông C chết năm 2014, hàng thừa kế thứ nhất của ông C

gồm bà H và ông P, ông P chết trước ông C nên có 02 con là Gia C và Gia K là người thừa kế thế di của ông P.

Buộc các hàng thừa kế của ông P thực hiện trả cho ông H, bà T 1.000.000.000 đồng mà khi ông P còn sống vay tiền của ông H, bà T.

Yêu cầu xem xét lại bà N không đồng ý giao 03 sổ tiết kiệm cho các hàng thừa kế của ông P, trong đó có bà H; yêu cầu cho bà N được tiếp tục giữ 03 sổ tiết kiệm, không giao cho Ngân hàng; vì nếu giao như án sơ thẩm tuyên thì khó khăn cho việc đi lĩnh tiền ở Ngân hàng, bởi nếu bà H không đồng ý ký tên giao nộp sổ tiết kiệm cho Ngân hàng để lãnh tiền thì Ngân hàng không cho lãnh.

Bị đơn trình bày bổ sung: Đối với căn nhà gỗ (nhà kho) có diện tích 65,8m² với kết cấu nền lán xi măng, vách 01 phần xây gạch, một phần tole, khung gỗ, gác lửng gỗ mái tole; diện tích căn nhà được giới hạn theo các điểm 16, 15, 14, 13 theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 6/2/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên, bà N đồng ý giao cho bà H được sở hữu, nhưng phải di dời ra khỏi diện tích đất 129,5m² thuộc quyền sử dụng của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2, 5 Điều 308 BLTTDS: Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông H, bà T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST, ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về nội dung và án phí dân sự sơ thẩm.

- Hủy, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 03/8/2009, hợp đồng tặng cho QSDĐ, QSH nhà ở giữa ông C và ông P ngày 16/10/2009 vô hiệu (Do hết thời hiệu khởi kiện)

- Chấp nhận yêu cầu của bà N, về việc chia di sản thừa kế cho ông C (bà H nhận) và chia kỷ phần thừa kế thế vị cho cháu C và cháu K.

- Xác định tài sản chung của ông P, bà N là số tiền 02 tỷ đồng và tiền lãi 734.777.532đ theo 04 sổ tiết kiệm tại ngân hàng HD (Theo công văn số 27, ngày 04/5/2023 của ngân hàng HD). Bà N được ½ là 1.367.388.766đ. Ông P được ½ là 1.367.388.766đ, là di sản thừa kế.

- Xác định di sản của ông P để lại gồm căn nhà diện tích 568,08m² và 65,8m² gắn liền với diện tích đất 129,5m² và 136,7m². Tổng giá trị 30.569.667.734đ. Tổng di sản là 31.937.056.500đ. Bà N được nhận tài sản là 04 sổ tiết kiệm, nhà số 41A-41B gắn liền với QSDĐ do ông P đứng tên và hoàn giá trị cho bà H 3.992.132.062đ, cháu K 9.980.330.156đ, cháu C 9.980.330.156đ. Công

nhận sự tự nguyện của bà N giao căn nhà kho cho bà H quản lý, sử dụng. Bà H có nghĩa vụ di dời căn nhà kho khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, bà N và cháu G C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, bà T làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự ông L, bà H, bà N có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt. Căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy: Nguồn gốc di sản căn nhà số 41A, diện tích 136,7m² là bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế từ cô ruột Nguyễn Thị P, còn căn nhà 41B là được hưởng thừa kế từ cha ruột là ông Nguyễn Văn B. Ngày 13/3/1999 bà L chết không để lại di chúc; như vậy các hàng thừa kế của bà L là ông Trần Văn C (chồng), cùng các con Trần Thị Phượng H và Trần Thanh P. Ngày 03/8/2009 ông C, bà H, ông P lập văn bản thuận phân tài sản để ông C được toàn quyền quyết định đối với tài sản này. Ngày 16/10/2009 ông C lập hợp đồng tặng cho tài sản lại cho ông Trần Thanh P là con trai, đang sống chung với ông C.

Từ đó, ông Trần Thanh P được đứng tên tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất ở đô thị 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009.

- Quyền sử dụng đất ở đô thị 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009.

Ngày 25/9/2013 ông P chết không để lại di chúc đã phát sinh thừa kế theo pháp luật. Thời điểm đó ông C chưa yêu cầu phân chia thừa kế.

Đến ngày 09/5/2014 ông C chết, bà H khởi kiện yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế của ông C và bà yêu cầu bà N giao suất thừa kế này bằng hiện vật theo nguyện vọng của ông C để giữ lại căn nhà số 41A đường Thoại Ngọc Hầu, Khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để làm nơi thờ phụng cha mẹ và tại đơn xin bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/02/2016 và các lần hòa giải bà H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Đối với căn nhà số 41A, diện tích 136,7m² là bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế từ cô ruột Nguyễn Thị P, còn căn nhà 41B là được hưởng thừa kế từ cha ruột là ông Nguyễn Văn B. Ngày 13/3/1999 bà Lợi chết không để lại di chúc, di sản thừa kế này chưa phân chia.

Ngày 03/8/2009 ông C yêu cầu lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xác lập 50% giá trị nhà và đất ở của mẹ Nguyễn Thị L để lại chuyển cho cha Trần Văn C là không đúng quy định pháp luật vì toàn bộ tài sản trên là tài sản riêng của bà L, nên khi bà L chết không để lại di chúc thì toàn bộ tài sản này phải chia thành 03 phần (ông C, bà H và ông P).

Do đó, yêu cầu vô hiệu và hủy các văn bản, giấy tờ sau:

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 03/8/2009 của Phòng tư pháp Long Xuyên vô hiệu.

- Hợp đồng tặng cho đất và tài sản gắn liền với đất ngày 16/10/2009 của Văn phòng công chứng Long Xuyên vô hiệu;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, diện tích 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, diện tích 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Sau khi hủy toàn bộ các giấy tờ trên thì tài sản trở thành di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L nên yêu cầu chia theo quy định pháp luật cho các thừa kế của bà L. Yêu cầu nhận hiện vật căn nhà 41A. Yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế theo di chúc của ông C.

[3.1] Cấp sơ thẩm nhận định: Thời điểm ngày 03/8/2009 ông C, bà H, ông P đều thống nhất ý chí và hiểu đúng pháp luật là ông C có 50% tài sản và di sản thừa kế của bà L 50%, cũng biết được ông C đang đứng tên trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở là đại diện cho hộ gia đình gồm ông C, bà H, ông P. Do ông C là đại diện hộ gia đình không có toàn quyền quyết định đối với tài sản nên ông C, bà H và ông P đã thống nhất ý chí đến Phòng tư pháp Long Xuyên làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà L. Bà H, ông P đã đồng ý giao toàn bộ kỷ phần thừa kế cho ông C được quyền sử dụng, sở hữu phần di sản thừa kế, khi thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đảm bảo đúng quy định về mặt hình thức. Việc giao quyền này buộc bà H phải biết là khi giao quyền thì ông C có toàn quyền quyết định đối với 50% di sản của bà L và 50% tài sản của ông C; ngay khi bà H và ông P giao quyền cho ông C, nên từ thời điểm này

ông C đã có quyền quyết định đối với tài sản của mình. Do đó, ông C tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho ông P là hoàn toàn tự nguyện, việc tặng cho quyền sử dụng đất có lập thành văn bản, có công chứng, có đăng ký vào sổ địa chính và được cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật đất đai quy định; phù hợp với khoản 2 Điều 34 của Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 30/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Khi ông P được tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và được cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở thì bà H cũng không khiếu nại, không tranh chấp. Đồng thời, ông C còn sống (trong lúc ông P đã chết) thì ngày 23/4/2014 ông C cũng làm tờ di chúc xác nhận ông là người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông P được hưởng 01 kỷ phần, các tài sản của ông P là 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.01048bA, H.01047bA, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở 898833028000873 và tất cả các sổ tiết kiệm với số tài khoản (046704020003496; 046704010000520; 046704010000624; 046704070004181 và 046704090000105) (bút lục 211-212). Sau khi, ông C chết thì bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C cũng giữ nguyên yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế từ di sản của ông P.

Từ nhận định trên, cấp sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc; Không chấp đối với yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu; tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở vô hiệu.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, diện tích 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, diện tích 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên. Và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên do hết thời hiệu là có cơ sở. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H đối với yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 03/8/2009, hợp đồng tặng cho QSDĐ, QSH nhà ở giữa ông C và ông P ngày 16/10/2009 vô hiệu do hết thời hiệu khởi kiện là có thiếu sót; vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy, đình chỉ yêu cầu trên của bà H.

[3.2] Bà H có cung cấp các chứng cứ thể hiện nguồn gốc nhà, đất số 41A-41B là tài sản riêng của bà L. Tuy nhiên, sau khi bà L chết, ông C được cấp GCN QSDĐ (đại diện), sau đó hàng thừa kế thứ nhất của bà Lợi gồm có ông C, bà H và ông P. Các ông bà đã thống nhất giao toàn bộ kỷ phần thừa kế của bà L cho ông C và ông C đã tặng cho ông P như đã phân tích trên. Nên di sản của bà L đã không còn. Bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L, cấp sơ thẩm không chấp nhận là hoàn toàn có cơ sở.

[3.3] Cấp sơ thẩm nhận định ông P chết không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử xem xét phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là phù hợp định tại Điều 649, khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015, những người thừa kế cùng hàng được hưởng di sản bằng nhau. Vậy di sản thừa kế được chia thành 04 phần bằng nhau gồm: Bà N, ông C, Gia C và Gia K là có căn cứ.

[3.4] Đối với di chúc tự lập có người làm chứng ngày 26/4/2014 của ông Trần Văn C, cấp sơ thẩm xác định tính hợp pháp và công nhận di chúc của ông Trần Văn C: Trước khi chết ông C có lập di chúc giao cho bà Trần Thị Phượng H được quyền nhận kết quả kiện đòi tài sản và chia di sản thừa kế. Di chúc lập thành văn bản có điểm chỉ, có 02 người làm chứng nên là di chúc hợp pháp, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận giao kỷ phần thừa kế của ông C lại cho bà H thừa hưởng toàn bộ là không có căn cứ; bởi lẽ, di chúc ngày 26/4/2014 của ông C lặn tay và có 02 người làm chứng là Hứa Hoàng C và Nguyễn Thị Việt B (cùng Văn phòng Luật sư C), có nội dung, trong trường hợp ông C chưa kịp khởi kiện về thừa kế, bà H được thừa kế toàn bộ quyền khởi kiện; tại tòa nguyên đơn thừa nhận di chúc tự lập nêu trên nhờ Luật sư Hứa Hoàng C đánh vi tính và đóng dấu Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng C; Xét, Luật sư là người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H nguyên đơn trong vụ án tranh chấp “Đòi tài sản” số tiền trong các sổ tiết kiệm 2.000.000.000 đồng đã được Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thụ lý số: 28/2014/TLST-DS ngày 5/3/2014 và đã xét xử hai cấp, án có hiệu lực; sau đó hơn một tháng sau lại ký tên làm chứng trong di chúc ngày 26/4/2014 và cũng có số tiền 2.000.000.000 đồng nói trên nên khả năng không khách quan. Tại Kết luận giám định số 332/KLGT – PC 34 ngày 28/10/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang và Kết luận số 2686/C54B, ngày 16/12/2014 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện dấu vân tay trên di chúc ngày 26/4/2014 bị nhòe, không thể hiện được dạng chung và các đặc điểm riêng nên không đủ yếu tố giám định; như vậy, không có cơ sở chấp nhận di chúc của ông C theo Điều 634 BLDS. Ngoài ra các chứng cứ khác cho thấy cụ thể là: 1. Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) ngày 5/4/1995; 2. Đơn xin đăng ký QSDĐ ngày 12/8/2004; 3. Tờ cam kết không bỏ sót hàng thừa kế ngày 22/7/2009; 4. Phiếu yêu cầu công chứng ngày 16/10/2009; 5. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 3/8/2009; 6. Hợp đồng tặng cho QSDĐ và tài sản gắn liền với đất ngày 16/10/2009 tất cả các giấy tờ này do ông C lập và đều ghi rõ họ tên của mình và ký trên, duy chỉ có di chúc nói trên không ký tên và ghi họ tên; hơn nữa năm 2015 bà H khởi kiện chia di sản thừa kế của ông P theo di chúc ông C lập ngày 26/4/2014, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý số 174/TB-TLVA ngày 19/8/2015, sau đó do không đủ yếu tố giám định dấu vân tay ông C trong di chúc, nên ngày 30/9/2015 bà H đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 96/2015 ngày 30/9/2015.

[3.4] Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, chia một phần di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản ông C được thừa hưởng của ông P và chấp nhận lời bảo vệ Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về phần không chấp nhận số nợ của ông H, bà T.

[4] Đối với kháng cáo bà N xét thấy: Không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần công nhận Bản di chúc của ông Trần Văn C và yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Tờ di chúc; yêu cầu cháu Gia C, Gia K được thừa kế thế vị của cha là ông Trần Thanh P; không đồng ý việc quyết định bà H được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế của ông C và yêu cầu buộc người thừa kế thứ nhất của ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ 1.000.000.000 đồng cho ông H, bà T.

[4.1] Xét kháng cáo của của bà N là có cơ sở, nên Hội đồng chấp nhận một phần kháng cáo và phần tố đối với yêu cầu bà N và lời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Luật sư bảo vệ bị đơn; đối với yêu cầu buộc người thừa kế thứ nhất của ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ 1.000.000.000 đồng cho ông H, bà T không là đủ cơ sở xem xét nên không chấp nhận.

Cụ thể di sản của ông P được xác định gồm:

+ Di sản là nhà, đất:

- Nhà gắn liền đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 14, diện tích 136,7m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị.

- Nhà gắn liền đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 511, tờ bản đồ số 14, diện tích 129,5m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị.

- Căn nhà gỗ (nhà kho) có diện tích 65,8m² với kết cấu nền lán xi măng, vách 01 phần xây gạch, một phần tole, khung gỗ, gác lửng gỗ, mái tole (chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà);

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105+511, diện tích đất ở 266,2m², diện tích sàn 568,08m².

Tất cả nhà và đất 41A-41B (cả nhà gỗ) tọa lạc tại Thoại Ngọc Hầu, khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:

Di sản nhà, đất có giá trị theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á ngày 11/4/2023 tổng giá trị tài sản trên là 30.569.667.734 đồng.

Theo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 06/02/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Long Xuyên.

+ Di sản bằng tiền:

Theo Công văn số 27/2023/CV-HDBAG, ngày 04/5/2023 của HDBank thể hiện: Tổng số tiền vốn, lãi của 04 sổ tiết kiệm của ông P, tính đến ngày 05/5/2023 là 2.734.777.532 đồng (trong đó vốn là 2.000.000.000 đồng, lãi 734.777.532 đồng). Bà N yêu cầu xác định bà được hưởng ½ số tiền này và cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Cụ thể chia như sau: + Đối với tiền 04 sổ tiết kiệm: 2.734.777.532 đồng đây là tiền chung của vợ chồng ông P, bà N, nên bà N được ½ là 1.367.388.766 đồng, ông P được ½ 1.367.388.766 đồng.

+ Vậy tổng giá trị di sản (tài sản) của ông P nhà, đất và tiền mặt là: 31.937.056.500 đồng (30.569.667.734 đồng + 1.367.388.766 đồng): 4 (người) = 7.984.264.125 đồng.

Xác định các hàng thừa kế của ông P gồm: Bà N, cháu Gia K, cháu Gia C và ông C mỗi người (kỷ phần) được thừa hưởng: 7.984.264.125 đồng. Khi ông P chết là mở thừa kế thì ông C còn sống nên ông được hưởng thừa kế của con, do ông C đã chết nên các thừa kế chuyển tiếp của ông C tại giai đoạn này là bà H và ông P; ông P chết nên các con ông P là cháu Trần Gia C và Trần Gia K là được thừa kế thế vị kỷ phần của cha; vì vậy, số tiền trên của ông C được chia $\frac{1}{2}$, bà H một nửa là 3.992.132.062 đồng, các cháu Gia C, Gia K được thừa hưởng 3.992.132.062 đồng (trong đó: mỗi cháu được 3.992.132.062 đồng : 2 = 1.996.066.031 đồng) .

Như vậy, các thừa kế được thừa hưởng di sản như sau:

- + Bà H được thừa hưởng: 3.992.132.062 đồng;
- + Bà N được thừa hưởng: 9.315.652.891 đồng;
- + Cháu Gia C được thừa hưởng: 9.980.330.156 đồng;
- + Cháu Gia K được thừa hưởng: 9.980.330.156 đồng.

Bà N được nhận hiện vật toàn bộ nhà (41A + 41B), đất và 04 sổ tiết kiệm mang tên Trần Thanh P. Bà N có nghĩa vụ giao lại cho bà H 3.992.132.062 đồng, cháu Gia C 9.980.330.156 đồng và giao cháu Gia K 9.980.330.156 đồng (do cháu Gia C và Gia K là người chưa thành niên, nên bà N được quyền giám hộ tài sản của hai cháu cho đến khi hai cháu thành niên). Do giao 04 sổ tiết kiệm lại cho bà N, nên không phải buộc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ chi trả tiền cho các thừa kế.

[4.2] Đối với căn nhà gỗ có diện tích 65,8m² với kết cấu nền lán xi măng, vách 01 phần xây gạch, một phần tole, khung gỗ, gác lửng gỗ mái tole; diện tích căn nhà được giới hạn theo các điểm 16, 15, 14, 13 theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 6/2/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên, có giá trị 93.851.856 đồng, đã được cấp sơ thẩm cộng vào tài sản chung của ông P để chia thừa kế, nhưng cấp sơ thẩm không giao cho nguyên đơn hoặc bị đơn quản lý sử dụng là thiếu sót. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thống nhất giao bà H được sở hữu căn nhà gỗ nói trên, bà H đồng ý nhận. Như vậy bà H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ có diện tích xây dựng 32,9m², diện tích sàn 65,8m² với kết cấu nền lán xi măng, vách 01 phần xây gạch, một phần tole, khung gỗ, gác lửng gỗ mái tole; diện tích căn nhà được giới hạn theo các điểm 16, 15, 14, 13 nằm trong diện tích đất 129,5m² thuộc quyền sử dụng của bà N, theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 6/2/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên.

[5] Đối với ông Lý Đông H và bà Trần Thị Phước T kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà theo đơn khởi kiện ngày 3/5/2018 và bổ sung ngày 19/10/2018; nhưng ông, bà vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông H, bà T. Ông H, bà T hiện

giữ sổ tiết kiệm ghi tên Trần Thanh Ph, có nghĩa vụ giao lại cho bà N sổ tiết kiệm số 0467040200003496 (00954693), kỳ hạn gửi 13 tháng, từ ngày 19/8/2013 – 19/9/2014 có số tiền (mệnh giá) 1.000.000.000 đồng nói trên cho bà N.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng; chấp nhận một phần kháng cáo của bà N; đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông H, bà T. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 6 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[6] Chi phí tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm bà H yêu cầu thẩm định lại căn nhà gỗ có diện tích sàn 65,8m² do tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, bà H đã tạm ứng trước chi phí tố tụng 2.000.000 đồng và bà H đồng ý tự chịu chi phí này, nên Hội đồng xét xử không xem xét (đã nộp đủ).

[7] Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án về kỷ phần được thừa hưởng nên án phí cũng được xem xét lại, cụ thể: Bà H phải chịu 300.000 đồng và 111.842.641 đồng, tổng cộng: 112.142.641 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0009289 ngày 06 tháng 10 năm 2015 và 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0007865 ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà H còn phải nộp thêm 89.892.000 đồng (tròn số); bà N phải chịu 117.315.653 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0007307 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà Huỳnh Thị N còn phải nộp thêm 90.065.600 đồng. Đối với cháu Trần Gia C, cấp sơ thẩm nhận định là trẻ em, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn toàn bộ án phí cho cháu C là không đúng quy định. Gia C sinh ngày 09/4/2006. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 06/6/2023, Gia C được 17 tuổi. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326, thì trẻ em được miễn nộp tiền án phí. Điều 1 Luật trẻ em 2016, trẻ em là người dưới 16 tuổi. Do đó, Gia C không thuộc trường hợp được miễn án phí; cháu Gia C phải chịu án phí là: 117.980.330 đồng; cháu Trần Gia K là trẻ em được miễn toàn bộ án phí.

[7.1] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà H, bà N, cháu Gia C không phải chịu. Bà N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001929 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí. ; Sung vào công quỹ nhà nước 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H, bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002007 ngày 3/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

- Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Phụng H và một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị N. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Lý Đông H, bà Trần Thị Phước T.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 06 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã tuyên như sau:

Căn cứ khoản 3, 5, 11 Điều 26, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147, Điều 184, Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 136, Điều 463, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 624, Điều 625, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 95 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phụng H và một phần phản tố của bà Huỳnh Thị N:

- Hủy, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phụng H về việc yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 3/8/2009; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở giữa ông Trần Văn C và ông Trần Thanh P ngày 16/10/2009 vô hiệu (do hết thời hiệu khởi kiện).

- Không chấp nhận yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, diện tích 129,5m², thửa số 511, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, diện tích 136,7m², thửa số 105, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 24/11/2009 cho ông Trần Thanh P đứng tên.

- Không chấp nhận việc yêu cầu xác định căn nhà 41A và 41B là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L.

- Chấp nhận yêu cầu chia di sản là nhà, đất, tiền mặt, theo pháp luật:

- Xác định tài sản bằng hiện vật: Nhà, đất của ông P để lại gồm:

+ Nhà gắn liền đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01048bA, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 14, diện tích 136,7m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị.

+ Nhà gắn liền đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01047bA, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 511, diện tích 129,5m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị.

+ Căn nhà gỗ có diện tích 65,8m² với kết cấu nền lán xi măng, vách 01 phần xây gạch, một phần tole, khung gỗ, gác lửng gỗ mái tole;

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833028000873, ngày 24/11/2009 thuộc thửa số 105+511, diện tích đất ở 266,2m², diện tích sàn 568,08m².

Tất cả nhà và đất 41A-41B (cả nhà gỗ) tọa lạc tại Thoại Ngọc Hầu, khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:

Di sản có giá trị theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á ngày 11/4/2023 tổng giá trị tài sản trên là 30.569.667.734 đồng.

+ Di sản bằng tiền:

Cụ thể chia như sau: + Đối với tiền 04 sổ tiết kiệm: 2.734.777.532 đồng (trong đó vốn là 2.000.000.000 đồng, lãi 734.777.532 đồng).

- Bà Huỳnh Thị N được thừa hưởng $\frac{1}{2}$ di sản là: 1.367.388.766 đồng. Ông Phong được $\frac{1}{2}$ là: 1.367.388.766 đồng.

- Tổng giá trị di sản (tài sản) của ông Trần Thanh P (nhà, đất, tiền mặt) là: 31.937.056.500 đồng (30.569.667.734 đồng + 1.367.388.766 đồng) : 4 (kỷ phần) = 7.984.264.125 đồng.

- Xác định các hàng thừa kế của ông P gồm: Bà N, cháu Gia K, cháu Gia C và ông C mỗi người được hưởng: 7.984.264.125 đồng.

- Xác định người thừa kế di sản thừa kế chuyển tiếp của ông Trần Văn C gồm: Bà Trần Thị Phụng H, cháu Trần Gia C và Trần Gia K;

- Di sản ông C được hưởng là: 7.984.264.125 đồng : 2 = 3.992.132.062 đồng;

+ Bà Trần Thị Phụng H được hưởng $\frac{1}{2}$ là : 3.992.132.062 đồng.

+ Cháu Trần Gia C, Trần Gia K được hưởng $\frac{1}{2}$ là : 3.992.132.062 đồng (trong đó cháu Cát, cháu K mỗi cháu được: 1.996.066.031 đồng)

Các thừa kế được thừa hưởng như sau:

+ Bà Trần Thị Phụng H được thừa hưởng: 3.992.132.062 đồng;

+ Bà Huỳnh Thị N được thừa hưởng: 9.315.652.891 đồng;

+ Cháu Trần Gia C được thừa hưởng: 9.980.330.156 đồng;

+ Cháu Trần Gia K được thừa hưởng: 9.980.330.156 đồng.

Bà Nhận được nhận hiện vật toàn bộ nhà (41A + 41B), đất và 04 sổ tiết kiệm mang tên Trần Thanh P, số 046704010000520 (00538975) số tiền gốc 100.000.000 đồng; số 046704010000341 (00538737) số tiền gốc 800.000.000 đồng; số 046704010000624 (00539137) số tiền gốc 100.000.000 đồng; số 0467040200003496 (00954693) số tiền gốc 1.000.000.000 đồng. (trong đó có 03 sổ tiết kiệm mệnh giá 100.000.000 đồng, 800.000.000 đồng; 100.000.000 đồng bà N

quản lý). Bà N có nghĩa vụ giao cho bà Hoàng 3.992.132.062 đồng các cháu Gia C 9.980.330.156 đồng và giao cháu Gia K 9.980.330.156 đồng (do cháu Gia C và Gia K là người chưa thành niên, nên bà N được quyền giám hộ tài sản của hai cháu cho đến khi hai cháu thành niên).

- Bà Trần Thị Phụng H nhận căn nhà gỗ có diện tích xây dựng 32,9m², diện tích sàn 65,8m² với kết cấu nền lán xi măng, vách 01 phần xây gạch, một phần tole, khung gỗ, gác lửng gỗ mái tole; diện tích căn nhà được giới hạn theo các điểm 16, 15, 14, 13; bà H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ nằm trong diện tích đất 129,5m² thuộc quyền sử dụng của bà N.

Tất cả di sản là hiện vật nhà, đất được thể hiện theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 06/02/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Long Xuyên (nay là Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – Chi nhánh Long Xuyên).

- Di sản là các vật dụng nội thất trong gia đình:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị N giao tất cả các vật dụng trong gia đình sau đây cho bà Trần Thị Phụng H, bà Trần Thị Phụng H được thừa hưởng:

1. 01 tủ búp phê bằng Meca 0,5m x 2m, mua năm 1970.
2. 01 tủ ly 3 mặt kiếng bằng gỗ Cẩm 0,5m x 1,4m mua năm 1970.
3. 01 giường Cẩm Lai 1,6m x 2m mua năm 2001.
4. 01 tủ quần áo bằng Bên 02 cánh có kiếng gương 0,5m x 1,2m x 2m, mua khoảng năm 1970.
5. 01 tủ áo dài bằng Bên, 01 bên kiếng, 01 bên cây 0,5m x 1,8m x 2m mua năm 2001.
6. 01 tủ chén gỗ Cẩm Lai, chứa đầy chén tô, đĩa, tách, đồ kiểu xưa, mua năm 1970.
7. 01 tủ thờ Bên 1,4m mua năm 1970.
8. 01 tủ thờ gỗ Gõ Mun có cấn Xà Cừ 1,1m x 0,5m x 1,3m không nhớ năm mua (đồ xưa).
9. 01 đi văng gỗ Bên 1,6m x 2m, 01 đi văng gỗ Bên 1,2m x 2m x 0,5m, không nhớ năm mua (đồ xưa).
10. 01 bộ sa lon Bên có nệm (đồ xưa).
11. 01 bộ sa lon ghế gỗ Bên mua năm 1970.
12. 01 tủ gỗ Bên có kiếng 02 mặt 0,6m x 1m x 1,5m, mua năm 2001.
13. 02 cái giường sắt 1,2m x 2m (không nhớ thời gian mua).
14. 01 giường hộp gỗ Bên 1,6m x 2m, mua năm 1970.
15. 01 giường hộp Thao Lao kiểu xưa 1,6m x 2m, mua năm 1960.
16. 01 cái bàn beureau gỗ Bên 0,8m x 1,4m, mua năm 1970.

17. 01 tủ Bên 02 ngăn (01 bên gỗ, 01 bên kiếng) 0,6m x 1,8m, không nhớ thời gian mua.

18. 02 máy lạnh, không nhớ hiệu, đồ đã qua sử dụng, mua năm 2001.

19. 01 máy may hiệu Sinco mua năm 1975.

20. 01 máy thêu mua năm 1985.

21. 01 chảo có nắp đáy, mua năm 1980.

22. 01 máy đánh trứng mua năm 1970.

23. 01 tủ ly 03 mặt kiếng mua bằng gỗ Bên 0,45 x 1,4m, mua năm 1970.

24. 01 tủ búp phê gỗ Bên 0,45m x 1,8m x 0,98m, mua năm 1970.

25. 01 tủ sắt đựng tiền 3 hộc (ổ khóa hư) 0,55m x 0,7m x 1,7m.

26. 01 tủ áo gỗ Bên, 03 mặt kiếng 0,45m x 1,8m x 1m, không nhớ thời gian mua.

27. 01 bộ ngựa, 02 tấm ván gỗ Mun, 1,5m x 2,3m (đồ cổ).

28. 01 tủ gỗ Bên có mặt kiếng, kiểu xưa 0,5m x 1,2m x 1,8m, không nhớ thời gian mua.

29. 01 tủ chén 03 mặt kiếng 1,8m + chén, tô, đĩa bằng melamin, mua năm 1970.

30. 02 tủ cây 1,2m đựng sách, không nhớ thời gian mua.

31. 01 tủ gối 1,4m, không nhớ thời gian mua.

32. 01 tủ quần áo 1,2m, mua năm 1960.

33. 01 xe hiệu Yamaha (tay ga), 01 xe Honda wave x, 01 xe engenl.

34. 01 chiếc xe đạp hiệu Cowrse.

- Ông Lý Đông H và bà Trần Thị Phước T có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị N 01 Sổ tiết kiệm 046704020003496 (00954693), kỳ hạn gửi 13 tháng từ ngày 19/8/2013 đến ngày 19/9/2014, số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng (mang tên Trần Thanh P).

- Về chi phí tố tụng:

- Buộc Huỳnh Thị N phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị Phượng H số tiền 11.326.750 đồng.

- Buộc Gia C và Gia K, mỗi cháu phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị Phượng H số tiền 13.226.750 đồng. Bà Huỳnh Thị N làm giám hộ cho Gia C và Gia K nên bà N đại diện hoàn lại cho bà H số tiền 26.453.500 đồng (nghĩa vụ được thực hiện trong phạm vi kỷ phần thừa kế mà Gia C và Gia K được hưởng của ông P).

- Chi phí tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm bà H đã tạm ứng trước 2.000.000 đồng và bà tự nguyện chịu chi phí này, nên Hội đồng xét xử không xem xét (đã nộp đủ).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Phượng H phải chịu 300.000 đồng và 111.842.641 đồng, tổng cộng: 112.142.641 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0009289 ngày 06 tháng 10 năm 2015 và 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0007865 ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên; bà H còn phải nộp thêm 89.892.000 đồng (tròn số).

+ Bà Huỳnh Thị N phải chịu 117.315.600 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0007307 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Nên bà Huỳnh Thị N còn phải nộp thêm 90.065.600 đồng.

+ Cháu Trần Gia C phải chịu án phí là: 117.980.330 đồng.

+ Cháu Trần Gia K được miễn toàn bộ án phí.

+ Ông Lý Đông H và bà Trần Thị Phước T phải chịu 68.168.000 đồng, được khấu trừ 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008301 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Nên ông Lý Đông H và bà Trần Thị Phước T còn phải nộp thêm 47.168.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: bà H, bà , cháu Gia C không phải chịu. Bà N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001929 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên; bà Hoàng là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí; Sung vào công quỹ nhà nước 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của ông H, bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002007 ngày 3/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

- Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thuận Tùng Khuru Để Dành

Trần Minh Hải

